

ĐIỂM KIỂM TRA GIỮA KÌ 2 - MÔN ĐỊA LÍ												
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
1	Nguyễn Tuấn	Anh	12A 1	A1	120037	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
2	Lê Thị Vi	Anh	12A 1	A1	120039	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
3	Trần Đình	Cang	12A 1	A2	120063	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
4	Trần Minh	Đạt	12A 1	A3	120110	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
5	Đặng Quang	Đạt	12A 1	A3	120112	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
6	Trần Đình	Duy	12A 1	A3	120090	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
7	Phan Vũ	Duy	12A 1	A3	120094	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
8	Nguyễn Thị Khánh	Hà	12A 1	A4	120141	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
9	Nguyễn Lê Hoàng	Hảo	12A 1	A5	120163	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
10	Đỗ Minh	Hiếu	12A 1	A6	120204	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
11	Bùi Quốc	Huy	12A 1	A7	120241	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
12	Hồ Nhật	Kha	12A 1	A8	120281	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
13	Trần Châu Duy	Khang	12A 1	A8	120285	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
14	Đỗ Thị Minh	Khánh	12A 1	A8	120310	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
15	Phạm Trần Anh	Khôi	12A 1	A9	120333	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
16	Phan Vũ Anh	Khôi	12A 1	A9	120334	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
17	Nguyễn Hồng	Lạc	12A 1	A10	120350	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
18	Vũ Thị Thùy	Linh	12A 1	A10	120376	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
19	Tạ Hoàng Yến	Minh	12A 1	A11	120399	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
20	Trịnh Đình	Nam	12A 1	A11	120410	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
21	Huỳnh Thị Trúc	Ngân	12A 1	A12	120430	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
22	Nguyễn Thành	Nhân	12A 1	A13	120487	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
23	Lê Vương Nguyệt	Nhi	12A 1	A14	120500	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
24	Nguyễn Ngọc Ý	Như	12A 1	A14	120528	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
25	Trương Gia	Phong	12A 1	A14	120533	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
26	Nguyễn Thiên	Phú	12A 1	A15	120540	209	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
27	Vũ Lê Trung	Quân	12A 1	A16	120581	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
28	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	12A 1	A16	120598	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
29	Nguyễn Trần Sơ	Ri	12A 1	A16	120605	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
30	Trần Xuân	Sang	12A 1	A16	120609	485	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
31	Trần Ngọc Diễm	Sương	12A 1	A16	120615	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
32	Tăng Hiếu	Thảo	12A 1	C2	120683	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
33	Nguyễn Minh	Thiên	12A 1	C3	120707	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
34	Đồng Kim Diệu	Thiện	12A 1	C3	120712	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
35	Nguyễn Huỳnh Bảo	Thy	12A 1	C4	120775	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
36	Trần Ngọc Quỳnh	Tiên	12A 1	C1	120631	485	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
37	Nguyễn Thành	Tín	12A 1	C1	120640	485	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
38	Quảng Thị Thùy	Trang	12A 1	C5	120788	357	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
39	Nguyễn Minh	Trí	12A 1	C6	120823	209	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
40	Hồ Hải	Triều	12A 1	C6	120828	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
41	Nguyễn Chí	Trung	12A 1	C7	120852	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
42	Thái Đức Bảo	Vy	12A 1	C8	120907	132	4.00	40	16.00	23.00	0.00	1.00
43	Trần Lê	Vy	12A 1	C8	120922	485	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
44	Nguyễn Ngọc Như	Ý	12A 1	C9	120939	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
45	Đặng Trần Huyền	Châu	12A 2	A2	120066	132	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
46	Phạm Hải	Đăng	12A 2	A4	120119	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
47	Nguyễn Thành	Đạt	12A 2	A3	120116	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
48	Đỗ Thị Bích	Giang	12A 2	A4	120134	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
49	Nguyễn Ngọc	Hân	12A 2	A5	120183	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
50	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A 2	A5	120156	132	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
51	Đặng Thị Nhân	Hậu	12A 2	A6	120192	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
52	Đào Thị Duy	Hiếu	12A 2	A6	120203	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
53	Nguyễn Xuân	Hiếu	12A 2	A6	120210	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
54	Nguyễn Viết	Hoàng	12A 2	A6	120220	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
55	Lê	Huân	12A 2	A6	120225	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
56	Nguyễn Đắc Khoa	Huân	12A 2	A6	120224	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
57	Nguyễn Nhật	Hưng	12A 2	A7	120262	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
58	Võ Hoàng	Khang	12A 2	A8	120289	357	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
59	Võ Huy	Khang	12A 2	A8	120290	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
60	Trần Tiến	Khanh	12A 2	A8	120304	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
61	Phạm Nhật	Khánh	12A 2	A9	120315	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
62	Phạm Đăng	Khoa	12A 2	A9	120323	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
63	Nguyễn Thị Ngọc	Kiều	12A 2	A8	120275	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
64	Vũ Thị Khánh	Linh	12A 2	A10	120371	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
65	Nguyễn Bảo	Long	12A 2	A10	120382	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
66	Võ Bạch Quang	Minh	12A 2	A11	120394	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
67	Trần Phương	Nghi	12A 2	A12	120436	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
68	Lê Thùy Bích	Ngọc	12A 2	A12	120446	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
69	Chế Thị Thanh	Nguyên	12A 2	A13	120473	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
70	Phan Nguyễn Bảo	Phúc	12A 2	A15	120544	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
71	Phan Nguyễn Hoàng	Quân	12A 2	A15	120575	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
72	Đinh Nguyễn Bảo	Thạch	12A 2	C2	120669	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
73	Nguyễn Huy	Thanh	12A 2	C2	120673	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
74	Tạ Ngọc Thanh	Thảo	12A 2	C2	120688	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
75	Nguyễn Thị Minh	Thi	12A 2	C3	120705	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
76	Nguyễn Ngọc Hoài	Thương	12A 2	C4	120770	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
77	Phạm Thị Thanh	Thúy	12A 2	C4	120746	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
78	Trương Thị Ngọc	Trâm	12A 2	C5	120806	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
79	Nguyễn Mai	Trâm	12A 2	C5	120803	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
80	Võ Thị Huyền	Trâm	12A 2	C5	120802	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
81	Nguyễn Minh	Triết	12A 2	C6	120826	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
82	Đặng Minh	Triết	12A 2	C6	120825	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
83	Bùi Nguyễn Quốc	Trọng	12A 2	C6	120844	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
84	Hà Trương Anh	Tú	12A 2	C1	120645	485	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
85	Lê Thanh	Vũ	12A 2	C8	120902	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
86	Võ Ngọc Như	Ý	12A 2	C9	120940	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
87	Phan Ngô Quốc	An	12A 3	A1	120009	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
88	Đào Lê Phúc	Ân	12A 3	A2	120044	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
89	Huỳnh Ngô Bảo	Châu	12A 3	A2	120064	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
90	Lê Tấn	Đạt	12A 3	A3	120114	209	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
91	Trần Minh	Hậu	12A 3	A5	120190	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
92	Nguyễn Đỗ Nhật	Huy	12A 3	A7	120238	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
93	Trần Đăng	Khoa	12A 3	A9	120324	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
94	Đinh Quốc	Khôi	12A 3	A10	120346	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
95	Trần Anh	Khôi	12A 3	A9	120335	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
96	Nguyễn Hoàn	Kim	12A 3	A8	120278	357	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
97	Ngô Hoàng Anh	Linh	12A 3	A10	120362	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
98	Nguyễn Hoài Bảo	Minh	12A 3	A11	120390	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
99	Mai Thị Tuyết	Nga	12A 3	A11	120413	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
100	Phạm Phương	Nghi	12A 3	A12	120437	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
101	Nguyễn Phạm Song	Nguyên	12A 3	A13	120471	209	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
102	Nguyễn Đặng Trinh	Nguyên	12A 3	A13	120478	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
103	Võ Hiền	Nhi	12A 3	A13	120493	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
104	Thái Ý	Nhi	12A 3	A14	120504	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
105	Nguyễn Thụy Ngọc	Nhi	12A 3	A14	120498	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
106	Nguyễn Thùy	Như	12A 3	A14	120527	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
107	Huỳnh Bá	Phước	12A 3	A15	120555	485	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
108	Trần Thanh	Quân	12A 3	A16	120580	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
109	Hồ Xuân	Quỳnh	12A 3	A16	120603	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
110	Nguyễn Tấn	Sang	12A 3	A16	120607	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
111	Vũ Hoàng	Son	12A 3	A16	120612	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
112	Nguyễn Huyền Thanh	Tâm	12A 3	C1	120621	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
113	Hồ Công	Thắng	12A 3	C2	120696	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
114	Trần Quốc	Thành	12A 3	C2	120679	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
115	Lê Thanh	Thảo	12A 3	C2	120689	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
116	Lê Nguyễn Xuân	Thịnh	12A 3	C3	120729	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
117	Lâm Minh	Thư	12A 3	C4	120757	132	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
118	Võ Huỳnh Lộc	Thuận	12A 3	C3	120735	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
119	Đỗ Lê Thông	Thuật	12A 3	C3	120738	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
120	Trần Nguyễn Thanh	Thủy	12A 3	C4	120743	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
121	Võ Huỳnh Hoàng	Trân	12A 3	C5	120816	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
122	Nguyễn Đình Quế	Trân	12A 3	C6	120821	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
123	Võ Hoàng Quế	Trân	12A 3	C6	120822	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
124	Lê Thị Thùy	Trang	12A 3	C5	120790	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
125	Phan Thùy	Trang	12A 3	C5	120789	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
126	Mai Thị Thanh	Trúc	12A 3	C6	120848	209	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
127	Nguyễn Huỳnh Kiều	Vi	12A 3	C8	120891	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
128	Trần Anh	Vũ	12A 3	C8	120898	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
129	Phan Hoài	An	12A 4	A1	120004	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
130	Lê Ngô Minh	Anh	12A 4	A1	120024	485	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
131	Nguyễn Việt	Bách	12A 4	A2	120045	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
132	Nguyễn Thành	Danh	12A 4	A2	120073	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
133	Phạm Quốc	Đạt	12A 4	A3	120113	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
134	Trần Nguyên Huyền	Diệu	12A 4	A3	120079	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
135	Võ Minh	Đức	12A 4	A4	120130	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
136	Nguyễn Thị Kim	Hiển	12A 4	A6	120202	485	9.75	40	39.00	1.00	0.00	0.00
137	Nguyễn Xuân	Hoài	12A 4	A6	120219	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
138	Nguyễn Thị Thanh	Hồng	12A 4	A6	120222	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
139	Phạm Viết	Huy	12A 4	A7	120249	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
140	Nguyễn Thị Ngọc	Huỳnh	12A 4	A7	120257	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
141	Nguyễn Gia	Khang	12A 4	A8	120287	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
142	Nguyễn Hoài Phương	Khanh	12A 4	A8	120302	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
143	Huỳnh Nguyên	Khánh	12A 4	A9	120313	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
144	Lê Anh	Khôi	12A 4	A9	120336	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
145	Lê Nguyễn Trung	Kiên	12A 4	A8	120272	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
146	Đặng Nhật Khánh	Linh	12A 4	A10	120372	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
147	Lê Võ Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120451	485	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
148	Huỳnh Châu Khánh	Ngọc	12A 4	A12	120450	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
149	Nguyễn Thị Yến	Nhi	12A 4	A14	120506	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
150	Nguyễn Thanh	Như	12A 4	A14	120526	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
151	Nguyễn Lâm Bảo	Như	12A 4	A14	120516	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
152	Nguyễn Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120548	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
153	Huỳnh Hoàng	Phúc	12A 4	A15	120547	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
154	Võ Thị Thu	Phương	12A 4	A15	120567	357	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
155	Hồ Thị Tuyết	Phương	12A 4	A15	120566	209	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
156	Trương Nguyễn Việt	Quang	12A 4	A15	120571	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
157	Ngô Văn	Quyền	12A 4	A16	120592	209	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
158	Lê Văn	Thanh	12A 4	C2	120676	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
159	Nguyễn Ngọc	Thành	12A 4	C2	120677	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
160	Nguyễn Hữu	Thiện	12A 4	C3	120713	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
161	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A 4	C3	120723	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
162	Nguyễn Thị Mai	Thơ	12A 4	C3	120731	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
163	Nguyễn Khánh	Tiên	12A 4	C1	120629	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
164	Nguyễn Thị Hương	Trà	12A 4	C5	120780	357	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
165	Lê Trần Thùy	Trang	12A 4	C5	120791	357	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
166	Nguyễn Thủy	Trang	12A 4	C5	120787	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
167	Trần Nguyễn Thanh	Trúc	12A 4	C6	120849	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
168	Nguyễn Ngọc Anh	Tú	12A 4	C1	120646	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
169	Nguyễn Trần Khánh	Uy	12A 4	C7	120864	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
170	Bạch Thiên	Vũ	12A 4	C8	120903	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
171	Nguyễn Trương Bích	Vy	12A 4	C8	120910	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
172	Bùi Ngọc Phương	Anh	12A 5	A1	120029	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
173	Nguyễn Phúc	Ánh	12A 5	A1	120042	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
174	Hoàng Trung	Chính	12A 5	A2	120070	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
175	Nguyễn Hải	Đặng	12A 5	A4	120120	357	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
176	Lê Thành	Đạt	12A 5	A4	120117	132	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
177	Văn Tấn	Dũng	12A 5	A3	120088	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
178	Trần Thị Khánh	Duyên	12A 5	A3	120097	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
179	Phạm Thị Quỳnh	Giao	12A 5	A4	120137	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
180	Thái Trần Gia	Hân	12A 5	A5	120172	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
181	Phạm Thị Thanh	Hoa	12A 5	A6	120213	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
182	Lê Ngọc Quỳnh	Hương	12A 5	A7	120266	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
183	Võ Triều	Huy	12A 5	A7	120248	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
184	Trương Công Lâm	Huy	12A 5	A7	120236	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
185	Lê Vy	Khanh	12A 5	A8	120305	209	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
186	Phạm Lê Quốc	Khánh	12A 5	A9	120318	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
187	Nguyễn	Khánh	12A 5	A9	120314	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
188	Hồ Minh	Khoa	12A 5	A9	120329	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
189	Nguyễn Hoàng Bảo	Khuyên	12A 5	A10	120348	209	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
190	Nguyễn Tuấn	Kiệt	12A 5	A8	120273	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
191	Huỳnh Ánh	Linh	12A 5	A10	120363	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
192	Hoàng Văn	Minh	12A 5	A11	120396	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
193	Hoàng Thị Hoa	Mỹ	12A 5	A11	120407	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
194	Phạm Nguyễn Huy	Nam	12A 5	A11	120411	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
195	Nguyễn Đồng Minh	Ngân	12A 5	A11	120421	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
196	Nguyễn Hoàng Anh	Nguyên	12A 5	A13	120462	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
197	Trần Nguyễn Quỳnh	Nhi	12A 5	A14	120501	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
198	Nguyễn Tấn	Sang	12A 5	A16	120608	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
199	Trương Tấn	Thành	12A 5	C2	120680	132	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
200	Nguyễn Thị Ngọc	Thảo	12A 5	C2	120685	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
201	Thái Hữu	Thiện	12A 5	C3	120714	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
202	Nguyễn Minh	Thư	12A 5	C4	120758	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
203	Đỗ Đình	Thuận	12A 5	C3	120734	485	7.00	40	28.00	11.00	0.00	1.00
204	Trần Thị Thanh	Thương	12A 5	C4	120772	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
205	Trần Thị Thanh	Thùy	12A 5	C4	120740	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
206	Nguyễn Thị Thanh	Trà	12A 5	C5	120781	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
207	Thái Ngô Thanh	Trúc	12A 5	C6	120850	485	3.75	40	15.00	25.00	0.00	0.00
208	Hồ Nhật	Trường	12A 5	C7	120859	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
209	Nguyễn Thị Ngọc	Tú	12A 5	C1	120648	209	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
210	Trương Thanh	Văn	12A 5	C7	120885	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
211	Dương Huỳnh Anh	Vũ	12A 5	C8	120899	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
212	Châu Tường	Vy	12A 5	C8	120925	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
213	Nguyễn Đăng Hà	Yên	12A 5	C9	120949	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
214	Cao Lan	Anh	12A 6	A1	120021	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
215	Hà Bảo	Bảo	12A 6	A2	120047	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
216	Lê Thị Kiều	Bảo	12A 6	A2	120050	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
217	Trần Vi Linh	Đan	12A 6	A3	120105	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
218	Nguyễn Huỳnh Thùy	Duyên	12A 6	A3	120100	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
219	Trần Thùy Ngọc	Hà	12A 6	A4	120146	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
220	Huỳnh Bảo	Hân	12A 6	A5	120168	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
221	Lê Thị Bích	Hạnh	12A 6	A5	120155	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
222	Đặng Minh	Hiếu	12A 6	A6	120205	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
223	Vũ Đào Diễm	Hương	12A 6	A7	120265	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
224	Lại Nhật	Huy	12A 6	A7	120239	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
225	Võ Trần Bảo	Khang	12A 6	A8	120283	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
226	Phan Đăng	Khoa	12A 6	A9	120325	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
227	Phan Anh	Khôi	12A 6	A9	120337	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
228	Trần Anh	Kỳ	12A 6	A8	120280	209	3.50	40	14.00	26.00	0.00	0.00
229	Đặng Phương	Loan	12A 6	A10	120380	209	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
230	Đỗ Kim Phương	My	12A 6	A11	120402	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
231	Lê Thanh	Ngọc	12A 6	A12	120457	209	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
232	Nguyễn Cao	Nguyên	12A 6	A13	120463	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
233	Đoàn Mỹ	Nhân	12A 6	A13	120486	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
234	Trịnh Yến	Nhi	12A 6	A14	120507	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
235	Đỗ Thị Quỳnh	Như	12A 6	A14	120521	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
236	Phan Thùy Yến	Như	12A 6	A14	120530	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
237	Hồ Quốc	Phong	12A 6	A14	120535	132	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
238	Tạ Dương Minh	Quân	12A 6	A16	120576	209	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
239	Nguyễn Như	Quỳnh	12A 6	A16	120599	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
240	Nguyễn Thanh	Tâm	12A 6	C1	120622	485	5.00	40	20.00	19.00	0.00	1.00
241	Lê Hồ Thiên	Thảo	12A 6	C2	120695	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
242	Trương Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120715	209	6.00	40	24.00	14.00	0.00	2.00
243	Nguyễn Ngọc	Thiện	12A 6	C3	120716	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
244	Đặng Ngọc	Thuần	12A 6	C3	120733	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
245	Trần Thị Thanh	Thủy	12A 6	C4	120744	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
246	Phạm Thanh	Tiến	12A 6	C1	120636	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
247	Hồ Bảo	Trình	12A 6	C6	120830	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
248	Nguyễn Tuấn	Tú	12A 6	C1	120649	132	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
249	Võ Đặng Thanh	Tùng	12A 6	C2	120657	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
250	Nguyễn Thanh	Uyên	12A 6	C7	120881	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
251	Nguyễn Quốc	Vương	12A 6	C8	120906	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
252	Lê Trần Khánh	Vy	12A 6	C8	120917	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
253	Trương Hạ	Vy	12A 6	C8	120915	357	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
254	Trần Nhật	Anh	12A 7	A1	120027	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
255	Dương Phước	Bảo	12A 7	A2	120054	209	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
256	Nguyễn Hồng Ngọc	Bích	12A 7	A2	120057	357	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
257	Mạch Hải	Đặng	12A 7	A4	120121	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
258	Nguyễn Thị Ngọc	Đoan	12A 7	A4	120129	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
259	Đinh Phan Quốc	Doanh	12A 7	A3	120082	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
260	Phạm Ngọc	Giàu	12A 7	A4	120138	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
261	Nguyễn Thị Thanh	Hà	12A 7	A4	120148	209	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
262	Lê Ngọc Thanh	Hà	12A 7	A4	120147	132	5.75	40	23.00	14.00	0.00	3.00
263	Nguyễn Hà Gia	Hân	12A 7	A5	120173	209	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
264	Đoàn Ngọc	Hân	12A 7	A5	120184	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
265	Trần Bảo	Hân	12A 7	A5	120169	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
266	Nguyễn Thanh	Hiệu	12A 7	A6	120211	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
267	Đoàn Thị Bích	Hòa	12A 7	A6	120214	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
268	Trương Việt	Khang	12A 7	A8	120298	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
269	Bùi Nhật Phương	Khánh	12A 7	A9	120317	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
270	Đỗ Anh	Khoa	12A 7	A9	120322	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
271	Hoàng Minh	Khoa	12A 7	A9	120330	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
272	Lê Đình	Khôi	12A 7	A10	120342	209	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
273	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12A 7	A10	120373	357	3.25	40	13.00	27.00	0.00	0.00
274	Nguyễn Tuấn	Minh	12A 7	A11	120395	132	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
275	Nguyễn Thị Kiều	My	12A 7	A11	120401	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
276	Trần Gia	Nghi	12A 7	A12	120434	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
277	Diệp Trí	Nghĩa	12A 7	A12	120442	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
278	Nguyễn Ngân	Nhi	12A 7	A13	120497	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
279	Hoàng Thanh	Phong	12A 7	A14	120536	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
280	Nguyễn Lê Hồng	Phúc	12A 7	A15	120550	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
281	Võ Minh	Phước	12A 7	A15	120558	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
282	Nguyễn Anh	Quân	12A 7	A15	120572	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
283	Phan Thanh	Quyền	12A 7	A16	120590	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
284	Nguyễn Hữu	Tài	12A 7	A16	120617	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
285	Huỳnh Văn	Thâu	12A 7	C3	120699	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
286	Ngô Văn	Thịnh	12A 7	C3	120728	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
287	Trần Thị Thanh	Thư	12A 7	C4	120765	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
288	Nguyễn Ngọc Thanh	Thư	12A 7	C4	120766	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
289	Đỗ Nguyễn Anh	Tiên	12A 7	C1	120624	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
290	Đỗ Linh Bảo	Trân	12A 7	C5	120813	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
291	Nguyễn Thị Mỹ	Trinh	12A 7	C6	120834	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
292	Đinh Gia	Uy	12A 7	C7	120863	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
293	Ngô Thanh	Uyên	12A 7	C7	120882	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
294	Nguyễn Phúc	Vương	12A 7	C8	120905	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
295	Nguyễn Thị Ngọc	Vy	12A 7	C8	120924	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
296	Lê Huỳnh Trúc	Vy	12A 7	C8	120933	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
297	Nguyễn Hoàng Như	Ý	12A 7	C9	120941	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
298	Nguyễn Huỳnh Như	Anh	12A 8	A1	120028	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
299	Nguyễn Hải	Anh	12A 8	A1	120015	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
300	Nguyễn Hoàng Gia	Bảo	12A 8	A2	120048	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
301	Thổ Huỳnh	Chi	12A 8	A2	120068	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
302	Lê Minh	Đức	12A 8	A4	120131	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
303	Nguyễn Khắc	Duy	12A 8	A3	120092	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
304	Trần Ngọc	Hóa	12A 8	A6	120217	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
305	Trần Thị Thanh	Hoài	12A 8	A6	120218	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
306	Phạm Đăng	Huy	12A 8	A6	120227	357	4.25	40	17.00	22.00	0.00	1.00
307	Trần Thiện Tấn	Khang	12A 8	A8	120296	485	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
308	Hà Trần Đăng	Khoa	12A 8	A9	120326	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
309	Châu Trần Minh	Khoa	12A 8	A9	120331	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
310	Nguyễn Nhật Bảo	Kim	12A 8	A8	120277	485	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
311	Hà Tấn	Lâm	12A 8	A10	120357	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
312	Phùng Lê Kha	Ly	12A 8	A11	120387	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
313	Đặng Yên Bảo	Ngân	12A 8	A11	120415	357	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
314	Trương Xuân	Nghi	12A 8	A12	120440	357	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
315	Trần Lê Thanh	Ngọc	12A 8	A12	120458	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
316	Nguyễn Lâm Tuyết	Ngọc	12A 8	A12	120456	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
317	Nguyễn Thị Thảo	Nguyên	12A 8	A13	120474	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
318	Nguyễn Lê Hoài	Phúc	12A 8	A15	120546	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
319	Võ Hữu Minh	Quân	12A 8	A16	120577	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
320	Đoàn Diễm	Quỳnh	12A 8	A16	120593	132	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
321	Đoàn Trung	Tài	12A 8	C1	120618	485	5.25	40	21.00	18.00	0.00	1.00
322	Nguyễn Minh	Tánh	12A 8	C1	120619	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
323	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	12A 8	C2	120690	485	7.50	40	30.00	9.00	0.00	1.00
324	Nguyễn Đồng Thanh	Thiên	12A 8	C3	120710	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
325	Trần Nhiêu	Thủy	12A 8	C4	120742	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
326	Nguyễn Kiều Đình	Tiến	12A 8	C1	120635	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
327	Hoàng Đức	Tín	12A 8	C1	120639	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
328	Nguyễn Phạm Mai	Trâm	12A 8	C5	120804	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
329	Nguyễn Ngọc Huyền	Trân	12A 8	C6	120817	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
330	Nguyễn Lâm Bảo	Trang	12A 8	C5	120783	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
331	Lê Văn Khánh	Trình	12A 8	C6	120833	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
332	Nguyễn Phạm Hồng	Trình	12A 8	C6	120831	132	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
333	Lê Quốc	Trung	12A 8	C7	120854	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
334	Phan Lê	Tuấn	12A 8	C1	120654	209	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
335	Nguyễn Nhật	Uyên	12A 8	C7	120867	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
336	Nguyễn Phạm Tổ	Uyên	12A 8	C7	120878	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
337	Trần Tuấn	Vũ	12A 8	C8	120901	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
338	Nguyễn Thiên	Vy	12A 8	C8	120932	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
339	Nguyễn Ngọc Hà	Vy	12A 8	C8	120913	209	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
340	Lâm Tư	Vỹ	12A 8	C9	120937	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
341	Trần Hữu	An	12A 9	A1	120007	485	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
342	Trần Ngọc Tú	Anh	12A 9	A1	120036	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
343	Hoàng	Ánh	12A 9	A1	120040	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
344	Trác Vũ Việt	Bách	12A 9	A2	120046	357	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
345	Nguyễn Ngọc	Biên	12A 9	A2	120058	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
346	Đinh Nguyễn Phú	Bình	12A 9	A2	120062	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
347	Trần Đỗ Phát	Đạt	12A 9	A3	120111	357	5.50	40	22.00	17.00	0.00	1.00
348	Phạm Văn	Đức	12A 9	A4	120132	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
349	Xà Quế	Dương	12A 9	A3	120103	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
350	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Giang	12A 9	A4	120135	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
351	Nguyễn Huỳnh Khánh	Hà	12A 9	A4	120142	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
352	Lý Kiến	Hào	12A 9	A5	120162	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
353	Trần Văn	Hiếu	12A 9	A6	120209	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
354	Phạm Lưu Như	Hợp	12A 9	A6	120223	357	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
355	Mai Phương	Hung	12A 9	A7	120263	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
356	Lê Gia	Huy	12A 9	A6	120228	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
357	Huỳnh Khánh	Huy	12A 9	A7	120234	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
358	Lê Nguyên	Khang	12A 9	A8	120292	132	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
359	Võ Nam	Khoa	12A 9	A9	120332	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
360	Phan Nhật	Khôi	12A 9	A10	120345	357	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
361	Nguyễn Ngọc Yên	Khuê	12A 9	A10	120347	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
362	Lê Quang	Kiên	12A 9	A8	120271	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
363	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	12A 9	A10	120377	132	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
364	Huỳnh Bá	Long	12A 9	A10	120381	357	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
365	Nguyễn Phương	Nam	12A 9	A11	120412	132	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
366	Lê Châu Thái	Nguyên	12A 9	A13	120472	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
367	Nguyễn Hoàng Ý	Như	12A 9	A14	120529	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
368	Nguyễn Thị Ngọc	Như	12A 9	A14	120520	357	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
369	Lý Gia	Quỳnh	12A 9	A16	120587	357	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
370	Nguyễn Quý	Son	12A 9	A16	120614	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
371	Dương Thị Mỹ	Tâm	12A 9	C1	120620	209	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
372	Phan Nguyễn Hồng	Thanh	12A 9	C2	120672	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
373	Nguyễn Thị Kim	Thảo	12A 9	C2	120684	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
374	Trần Nguyễn Thiên	Thiên	12A 9	C3	120711	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
375	Nguyễn Hồ Phước	Thiên	12A 9	C3	120709	209	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
376	Nguyễn Vũ Lâm	Thịnh	12A 9	C3	120721	485	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
377	Lê Nguyễn Thanh	Thùy	12A 9	C4	120741	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
378	Đỗ Trần Huyền	Trân	12A 9	C6	120818	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
379	Nguyễn Hùng	Trung	12A 9	C7	120853	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
380	Võ Trần Hạ	Uyên	12A 9	C7	120865	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
381	Nguyễn Lại Như	Ý	12A 9	C9	120942	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
382	Nguyễn Hữu	Ân	12A10	A1	120043	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
383	Lương Ngọc Phương	Anh	12A10	A1	120030	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
384	Ngô Hoàng Kim	Anh	12A10	A1	120019	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
385	Nguyễn Phúc	Bảo	12A10	A2	120053	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
386	Nguyễn Thị Ngọc	Đan	12A10	A3	120107	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
387	Đỗ Hà Hải	Đăng	12A10	A4	120122	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
388	Đặng Thiên	Đăng	12A10	A4	120126	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
389	Cao Ngọc Thùy	Duyên	12A10	A3	120101	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
390	Nguyễn Ngọc	Hải	12A10	A5	120152	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
391	Vũ Thị	Hằng	12A10	A5	120167	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
392	Lê Việt	Hoàng	12A10	A6	120221	209	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
393	Nguyễn Minh	Hung	12A10	A7	120260	132	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
394	Ngô Quỳnh	Hương	12A10	A7	120267	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
395	Nguyễn Gia	Huy	12A10	A7	120229	132	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
396	Nguyễn Xuân	Khang	12A10	A8	120300	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
397	Đinh Đăng	Khoa	12A10	A9	120327	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
398	Nguyễn Thị Thanh	Lam	12A10	A10	120354	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
399	Châu Thuyền	Lân	12A10	A10	120360	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
400	Hoàng Văn	Long	12A10	A11	120384	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
401	Huỳnh Nguyễn Thanh	Ngân	12A10	A12	120425	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
402	Vũ Thị Tinh	Ngọc	12A10	A12	120455	485	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
403	Nguyễn Thụy Bích	Ngọc	12A10	A12	120447	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
404	Nguyễn Thị Hồng	Nhi	12A10	A13	120494	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
405	Phạm Vũ Yên	Nhi	12A10	A14	120508	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
406	Nguyễn Thiện	Phú	12A10	A15	120543	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
407	Nguyễn Đức	Phú	12A10	A15	120537	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
408	Biều Võ Thiên	Phụng	12A10	A15	120554	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
409	Huỳnh Ngọc Trúc	Quỳnh	12A10	A16	120601	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
410	Nguyễn Phạm Nguyên	Thảo	12A10	C2	120686	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
411	Phạm Lâm Ánh	Thơ	12A10	C3	120730	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
412	Võ Thùy Thanh	Thư	12A10	C4	120767	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
413	Võ Huỳnh Anh	Thư	12A10	C4	120748	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
414	Nguyễn Bảo Kha	Thy	12A10	C5	120777	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
415	Hoàng Yên	Trang	12A10	C5	120797	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
416	Huỳnh Văn	Trí	12A10	C6	120824	357	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
417	Nguyễn Quốc	Trung	12A10	C7	120855	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
418	Nguyễn Ngọc Anh	Tuấn	12A10	C1	120651	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
419	Phạm Trần Ánh	Tuyết	12A10	C2	120663	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
420	Nguyễn Khánh	Vân	12A10	C7	120887	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
421	Lê Bảo	An	12A11	A1	120001	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
422	Nguyễn Hữu Hoàng	An	12A11	A1	120006	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
423	Nguyễn Hồ Quỳnh	Anh	12A11	A1	120032	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
424	Dương Thị Kim	Anh	12A11	A1	120020	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
425	Vương Kiều	Anh	12A11	A1	120018	485	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
426	Châu Ngọc	Bảo	12A11	A2	120051	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
427	Lê Thành	Danh	12A11	A2	120074	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
428	Vũ Thành	Danh	12A11	A2	120075	485	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
429	Huỳnh Thị Kim	Diễm	12A11	A3	120077	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
430	Trần Ái	Gấm	12A11	A4	120133	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
431	Dương Văn	Hải	12A11	A5	120153	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
432	Trương Văn	Hàn	12A11	A5	120154	357	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
433	Huỳnh Ngọc Phương	Hân	12A11	A5	120186	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
434	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12A11	A5	120157	209	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
435	Hồ Hoàng	Huy	12A11	A7	120233	357	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
436	Dương Quốc	Huy	12A11	A7	120242	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
437	Nguyễn Ngọc	Huyền	12A11	A7	120255	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
438	Lê Thị Khánh	Huyền	12A11	A7	120254	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
439	Võ Ngọc	Khánh	12A11	A9	120312	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
440	Đinh Xuân	Khánh	12A11	A9	120320	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
441	Lý Hoàng	Long	12A11	A11	120383	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
442	Đỗ Văn	Minh	12A11	A11	120397	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
443	Nguyễn Thị Thảo	My	12A11	A11	120405	209	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
444	Lê Thị Tuyết	Ngân	12A11	A11	120424	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
445	Phạm Võ Thanh	Ngân	12A11	A12	120426	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
446	Nguyễn Phan Ánh	Ngọc	12A11	A12	120444	132	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
447	Nguyễn Trịnh Quỳnh	Như	12A11	A14	120522	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
448	Lê Hoàng	Phúc	12A11	A15	120549	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
449	Nguyễn Thị Xuân	Phương	12A11	A15	120568	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
450	Đào Chí	Quốc	12A11	A16	120583	132	8.25	40	33.00	6.00	0.00	1.00
451	Lê Phước Minh	Quốc	12A11	A16	120585	209	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
452	Phạm Đình	Thắng	12A11	C2	120697	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
453	Nguyễn Duy	Thịnh	12A11	C3	120717	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
454	Nguyễn Hà Minh	Thư	12A11	C4	120759	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
455	Phạm Nguyễn Anh	Thy	12A11	C4	120773	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
456	Huỳnh Lê Bích	Trâm	12A11	C5	120800	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
457	Huỳnh Minh	Triết	12A11	C6	120827	209	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
458	Nguyễn Thị Phương	Trinh	12A11	C6	120837	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
459	Phan Ngọc Phương	Trinh	12A11	C6	120838	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
460	Lê Văn Gia	Tùng	12A11	C1	120656	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
461	Võ Thị Ngọc	Tuyết	12A11	C2	120664	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
462	Bùi Phương	Uyên	12A11	C7	120869	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
463	Vũ Thị Ánh	Vân	12A11	C7	120886	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
464	Phạm Nguyễn Trúc	Vy	12A11	C9	120934	357	4.25	40	17.00	23.00	0.00	0.00
465	Hoàng Gia	Anh	12A12	A1	120014	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
466	Lê Bảo	Châu	12A12	A2	120065	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
467	Nguyễn Tấn	Đạt	12A12	A3	120115	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
468	Từ Gia	Hân	12A12	A5	120174	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
469	Đặng Thị Thu	Hiền	12A12	A6	120196	485	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
470	Mai Đăng Minh	Hiếu	12A12	A6	120206	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
471	Phan Lê Gia	Huy	12A12	A7	120230	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
472	Trần Quốc	Huy	12A12	A7	120243	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
473	Nguyễn Nhật Trí	Khang	12A12	A8	120297	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
474	Trần Ngọc Như	Khánh	12A12	A9	120316	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
475	Nguyễn Diệu	Linh	12A12	A10	120364	209	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
476	Nguyễn Hoàng Gia	Linh	12A12	A10	120368	485	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
477	Huỳnh Tấn Anh	Mỹ	12A12	A11	120406	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
478	Trần Tâm	Ngọc	12A12	A12	120454	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
479	Đoàn Đức	Nguyễn	12A12	A13	120465	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
480	Vũ Minh	Nhật	12A12	A13	120489	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
481	Lê Minh	Nhật	12A12	A13	120490	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
482	Trần Mẫn	Nhi	12A12	A13	120495	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
483	Thái Thị Phi	Nhung	12A12	A14	120514	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
484	Nguyễn Huỳnh	Phúc	12A12	A15	120551	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
485	Trương Hoàng	Phước	12A12	A15	120556	132	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
486	Nguyễn Bảo	Song	12A12	A16	120611	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
487	Phạm Thanh	Thảo	12A12	C2	120691	132	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
488	Nguyễn Ngọc	Thịnh	12A12	C3	120724	485	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
489	Lê Gia	Thịnh	12A12	C3	120719	132	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
490	Nguyễn Minh	Thư	12A12	C4	120760	209	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
491	Đào Thị Anh	Thư	12A12	C4	120749	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
492	Trần Nguyễn Bảo	Thư	12A12	C4	120754	485	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
493	Nguyễn Thị Minh	Thùy	12A12	C4	120739	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
494	Nguyễn Bảo	Toàn	12A12	C1	120642	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
495	Nguyễn Hữu	Toàn	12A12	C1	120644	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
496	Trần Lê Phương	Trâm	12A12	C5	120810	132	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
497	Phạm Hoàng Bảo	Trân	12A12	C5	120814	209	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
498	Lê Ngọc	Trân	12A12	C6	120820	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
499	Trần Thị Thùy	Trang	12A12	C5	120792	209	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
500	Phạm Xuân	Trưởng	12A12	C7	120862	132	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
501	Nguyễn Đức	Trưởng	12A12	C7	120858	357	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
502	Lê Ngọc Thanh	Vân	12A12	C7	120889	132	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
503	Nguyễn Tường Bảo	Vui	12A12	C8	120904	485	7.25	40	29.00	10.00	0.00	1.00
504	Đoàn Hoài Như	Ý	12A12	C9	120943	209	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
505	Võ Đình Hải	An	12A13	A1	120003	357	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
506	Nguyễn Lê Phi	Bảo	12A13	A2	120052	485	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
507	Lê Nguyên	Chương	12A13	A2	120072	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
508	Vũ Huỳnh Thiên	Đan	12A13	A3	120108	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
509	Nguyễn Trần Gia	Điền	12A13	A4	120128	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
510	Mai Thắm Thùy	Duyên	12A13	A3	120099	209	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
511	Đỗ Hồng	Hà	12A13	A4	120140	132	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
512	Trần Ninh	Hải	12A13	A4	120151	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
513	Nguyễn Lê Bảo	Hân	12A13	A5	120170	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
514	Đoàn Trần Mỹ	Hạnh	12A13	A5	120158	357	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
515	Lê Tuấn	Hào	12A13	A5	120165	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
516	Tactay Hoàng	John	12A13	A7	120270	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
517	Đỗ Gia	Khang	12A13	A8	120288	485	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
518	Châu Đăng	Khôi	12A13	A10	120340	132	9.50	40	38.00	2.00	0.00	0.00
519	Lê Nhật Anh	Khôi	12A13	A9	120338	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
520	Nguyễn Thị Hòa	Lam	12A13	A10	120351	485	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
521	Lê Minh	Lộc	12A13	A11	120385	209	6.00	40	24.00	15.00	0.00	1.00
522	Lê Huỳnh Bảo	Minh	12A13	A11	120391	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
523	Phạm Trúc	Ngân	12A13	A12	120431	485	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
524	Lương Thị Thanh	Ngân	12A13	A12	120427	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
525	Lê Võ Phương	Nghi	12A13	A12	120438	485	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
526	Ngô Quỳnh Như	Ngọc	12A13	A12	120453	209	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
527	Nguyễn Thanh	Ngọc	12A13	A13	120459	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
528	Huỳnh Gia	Nguyên	12A13	A13	120466	485	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
529	Nguyễn Lê Vĩnh	Nguyên	12A13	A13	120479	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
530	Phan Thành	Nhân	12A13	A13	120488	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
531	Nguyễn Phan Bảo	Như	12A13	A14	120517	357	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
532	Nguyễn Huỳnh Khánh	Như	12A13	A14	120518	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
533	Phạm Hữu	Phước	12A13	A15	120557	209	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
534	Huỳnh Thị Kim	Phương	12A13	A15	120559	485	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
535	Nguyễn Võ Hàn	Thuyền	12A13	C4	120747	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
536	Châu Bảo	Trân	12A13	C5	120815	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
537	Nguyễn Phạm Hồng	Trang	12A13	C5	120784	132	9.00	40	36.00	4.00	0.00	0.00
538	Phan Minh	Trúc	12A13	C6	120847	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
539	Trương Phan Vy	Trúc	12A13	C7	120851	485	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
540	Nguyễn Lê Phương	Uyên	12A13	C7	120870	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
541	Nguyễn Võ Phương	Uyên	12A13	C7	120871	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
542	Nguyễn Thanh Tú	Uyên	12A13	C7	120879	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
543	Nguyễn Thị Tường	Vi	12A13	C8	120892	357	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
544	Đỗ Trần	Vinh	12A13	C8	120897	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
545	Trần Dương Thảo	Vy	12A13	C8	120929	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
546	Lê Minh	Chức	12A14	A2	120071	485	7.25	40	29.00	10.00	1.00	1.00
547	Võ Anh	Đạt	12A14	A3	120109	132	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
548	Đoàn Đình	Duy	12A14	A3	120091	209	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
549	Phạm Hồng	Hải	12A14	A4	120150	357	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
550	Bùi Gia	Hân	12A14	A5	120175	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
551	Nguyễn Thị Bích	Hằng	12A14	A5	120166	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
552	Nguyễn Phan Đình	Hào	12A14	A5	120161	485	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
553	Trần Minh	Hùng	12A14	A6	120226	357	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
554	Nguyễn Thị Thanh	Hương	12A14	A7	120268	357	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
555	Trần Thanh	Huy	12A14	A7	120245	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
556	Mai Chí	Khang	12A14	A8	120284	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
557	Trần Thị Diệu	Linh	12A14	A10	120365	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
558	Hoàng Văn	Minh	12A14	A11	120398	209	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
559	Trương Mỹ	Ngọc	12A14	A12	120452	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
560	Trần Lê Bảo	Ngọc	12A14	A12	120445	485	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
561	Nguyễn Sĩ	Nguyên	12A14	A13	120470	357	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
562	Trần Ngọc Minh	Nguyệt	12A14	A13	120481	485	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
563	Thái Thị Thanh	Nhàn	12A14	A13	120485	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
564	Huỳnh Ngô Nữ	Nhi	12A14	A13	120496	209	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
565	Nguyễn Thị Ngọc	Nhi	12A14	A14	120499	485	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
566	Châu Thân Quỳnh	Như	12A14	A14	120523	209	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
567	Nguyễn Thị Minh	Phương	12A14	A15	120562	132	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
568	Nguyễn Minh	Quang	12A14	A15	120569	132	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
569	Nguyễn Ngọc Khánh	Quỳnh	12A14	A16	120595	485	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
570	Hoàng Ngọc	Tân	12A14	C1	120623	357	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
571	Nguyễn Hoàng Quốc	Thái	12A14	C2	120671	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
572	Nguyễn Thanh	Thanh	12A14	C2	120675	132	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
573	Bùi Nguyễn Minh	Thư	12A14	C4	120761	485	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
574	Đỗ Thị Anh	Thy	12A14	C4	120774	132	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
575	Trần Duy	Toàn	12A14	C1	120643	209	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
576	Phan Ngọc	Trâm	12A14	C5	120807	209	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
577	Trần Thị Yên	Trang	12A14	C5	120798	132	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
578	Nguyễn Hoàng Tố	Trinh	12A14	C6	120839	209	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
579	Biện Hồ	Trọng	12A14	C6	120843	357	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
580	Huỳnh Công	Tuấn	12A14	C1	120652	357	9.25	40	37.00	3.00	0.00	0.00
581	Tăng Tiếp	Tuyển	12A14	C2	120662	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
582	Lương Huỳnh Tú	Uyên	12A14	C7	120880	357	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
583	Trịnh Thị Thảo	Vy	12A14	C8	120930	209	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
584	Võ Thị Tường	Vy	12A14	C8	120926	132	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
585	Lê Thị Yên	Vy	12A14	C9	120935	485	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
586	Diệp Như	Ý	12A14	C9	120944	357	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
587	Lê Thị Hồng	Yến	12A14	C9	120951	132	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
588	Trần Thị Thu	Yến	12A14	C9	120954	209	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
589	Nguyễn Diệu	Anh	12C 1	C10	120013	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
590	Ngô Thị Ngọc	Anh	12C 1	C10	120025	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
591	Dương Nguyệt	Anh	12C 1	C10	120026	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
592	Phan Trọng	Bằng	12C 1	C10	120056	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
593	Lưu Gia	Bảo	12C 1	C10	120049	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
594	Đặng Nguyễn Như	Bình	12C 1	C11	120061	471	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
595	Phạm Lưu Yên	Chi	12C 1	C11	120069	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
596	Nguyễn Hải	Đặng	12C 1	C11	120123	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
597	Nguyễn Văn	Dũng	12C 1	C11	120089	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
598	Trần Thị Bảo	Hân	12C 1	C12	120171	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
599	Phạm Thị Như	Hảo	12C 1	C12	120164	259	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
600	Đinh Xuân	Hậu	12C 1	C13	120194	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
601	Bùi Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120198	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
602	Mai Thu	Hiền	12C 1	C13	120197	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
603	Lâm Thái	Hòa	12C 1	C13	120216	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
604	Trần Lê Hương	Huyền	12C 1	C13	120253	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
605	Trần Minh	Khang	12C 1	C14	120291	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
606	Nguyễn Nguyên	Khôi	12C 1	C15	120343	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
607	Phạm Thúy	Kiều	12C 1	C14	120276	148	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
608	Trần Quỳnh Gia	Lạc	12C 1	C15	120349	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
609	Nguyễn Phạm Minh	Lâm	12C 1	C15	120356	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
610	Lê Trần Diễm	My	12C 1	C16	120400	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
611	Vũ Khánh Hồng	Ngọc	12C 1	C17	120449	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
612	Lê Minh	Nguyệt	12C 1	C17	120482	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
613	Phan Ngọc Thiên	Phú	12C 1	C18	120541	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
614	Lê Hà Đỗ	Quyên	12C 1	C19	120586	471	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
615	Hồ Trọng Thanh	Thảo	12C 1	C20	120692	471	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
616	Nguyễn Hoàng Mai	Thì	12C 1	C21	120704	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
617	Lê Hoàng Anh	Thư	12C 1	C21	120750	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
618	Trần Thị Minh	Thư	12C 1	C22	120762	326	6.75	40	27.00	12.00	0.00	1.00
619	Trần Thanh	Thư	12C 1	C22	120768	471	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
620	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trâm	12C 1	C22	120799	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
621	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12C 1	C22	120785	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
622	Nguyễn Ngọc Khánh	Triều	12C 1	C23	120829	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
623	Trần Lê Kim	Trúc	12C 1	C23	120845	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
624	Nguyễn Thanh	Tú	12C 1	C20	120650	471	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
625	Nguyễn Hồ Trọng	Tường	12C 1	C20	120668	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
626	Đinh Thị Ngọc	Tường	12C 1	C20	120667	326	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
627	Đinh Thị Phương	Uyên	12C 1	C23	120873	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
628	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 1	C23	120872	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
629	Nguyễn Thành	Vinh	12C 1	C24	120896	148	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
630	Phạm Kim	Yến	12C 1	B1	120952	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
631	Trần Vũ Thùy	An	12C 2	C10	120010	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
632	Nguyễn Hồng Bảo	Anh	12C 2	C10	120011	326	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
633	Ngô Gia Minh	Châu	12C 2	C11	120067	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
634	Phan Thị Thanh	Dung	12C 2	C11	120086	259	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
635	Huỳnh Đỗ Khả	Hân	12C 2	C12	120181	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
636	Trần Gia	Hân	12C 2	C12	120176	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
637	Nguyễn Anh	Hào	12C 2	C12	120159	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
638	Võ Thúy	Hiền	12C 2	C13	120200	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
639	Huỳnh Thị Thu	Hiền	12C 2	C13	120199	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
640	Lê Nguyễn Thế	Hiền	12C 2	C13	120201	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
641	Vũ Đức	Khải	12C 2	C14	120282	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
642	Nguyễn Đình	Khang	12C 2	C14	120286	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
643	Trần Vĩnh	Khang	12C 2	C14	120299	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
644	Nguyễn Huy	Khánh	12C 2	C14	120307	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
645	Lê Minh	Khiêm	12C 2	C15	120321	148	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
646	Trương Đăng	Khoa	12C 2	C15	120328	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
647	Phạm Lục Nguyễn	Khôi	12C 2	C15	120344	259	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
648	Nhan Bội Khả	Lam	12C 2	C15	120352	471	7.00	40	28.00	11.00	0.00	1.00
649	Nguyễn Thị Hồng	Mỹ	12C 2	C16	120408	326	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
650	Trương Hoàng Ái	Na	12C 2	C16	120409	259	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
651	Cao Thị Mỹ	Ngân	12C 2	C16	120422	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
652	Phạm Quỳnh Yến	Ngân	12C 2	C16	120433	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
653	La Phúc	Nghi	12C 2	C16	120435	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
654	Trần Bích	Ngọc	12C 2	C17	120448	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
655	Phạm Thảo	Nguyên	12C 2	C17	120475	471	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
656	Lê Yến	Nhi	12C 2	C17	120509	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
657	Đỗ Quỳnh	Như	12C 2	C18	120524	148	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
658	Nguyễn Anh	Quân	12C 2	C18	120573	326	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
659	Phan Minh	Quân	12C 2	C18	120578	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
660	Lê Thị	Quyên	12C 2	C19	120589	259	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
661	Nguyễn Anh	Tài	12C 2	C19	120616	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
662	Huỳnh Hoàng	Thiên	12C 2	C21	120706	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
663	Nguyễn Thị Ngọc	Thiên	12C 2	C21	120708	148	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
664	Nguyễn Thanh Gia	Thịnh	12C 2	C21	120720	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
665	Trần Mai Cát	Tiên	12C 2	C19	120625	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
666	Nguyễn Cát	Tiên	12C 2	C19	120626	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
667	Võ Thị Huyền	Trân	12C 2	C23	120819	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
668	Nguyễn Khánh	Tuyền	12C 2	C20	120660	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
669	Võ Ngọc Phương	Uyên	12C 2	C23	120874	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
670	Bùi Nguyễn Thái	Vân	12C 2	C23	120888	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
671	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	12C 2	C24	120927	326	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
672	Trần Gia Như	Ý	12C 2	C24	120945	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
673	Đồng Thụy Hoài	An	12C 3	C10	120005	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
674	Nguyễn Phan Bảo	An	12C 3	C10	120002	326	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
675	Trần Quỳnh Hoàng	Anh	12C 3	C10	120016	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
676	Nguyễn Vân	Dung	12C 3	C11	120087	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
677	Trần Thị Ái	Dung	12C 3	C11	120083	148	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
678	Lê Thị Ngọc	Giàu	12C 3	C12	120139	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
679	Nguyễn Lưu Tuyết	Hân	12C 3	C12	120187	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
680	Nguyễn Anh	Hào	12C 3	C12	120160	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
681	Nguyễn	Hậu	12C 3	C12	120191	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
682	Trần Thị Thanh	Hiên	12C 3	C13	120195	326	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
683	Đặng Thị Bích	Hoa	12C 3	C13	120212	326	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
684	Phan Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120232	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
685	Nguyễn Gia	Huy	12C 3	C13	120231	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
686	Lê Duy	Khanh	12C 3	C14	120301	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
687	Nguyễn Vân	Khánh	12C 3	C14	120319	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
688	Trần Minh	Khánh	12C 3	C14	120311	259	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
689	Huỳnh Hữu	Khánh	12C 3	C14	120308	471	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
690	Lê Tuấn	Kiệt	12C 3	C14	120274	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
691	Trần Đức	Minh	12C 3	C16	120392	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
692	Trần Việt Kim	Ngân	12C 3	C16	120419	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
693	Dương Thúy	Nghi	12C 3	C16	120439	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
694	Hồ Đắc Thảo	Nguyên	12C 3	C17	120476	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
695	Huỳnh Gia	Nguyễn	12C 3	C17	120480	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
696	Trần Thanh	Nhật	12C 3	C17	120491	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
697	Trần Ngọc Yến	Nhi	12C 3	C17	120510	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
698	Trần Thị Quỳnh	Như	12C 3	C18	120525	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
699	Nguyễn Thanh Gia	Phúc	12C 3	C18	120545	471	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
700	Nguyễn Thị Kim	Quyên	12C 3	C19	120588	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
701	Ngô Minh	Sang	12C 3	C19	120606	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
702	Đào Thị Thanh	Thảo	12C 3	C20	120693	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
703	Nguyễn Hoàng	Thu	12C 3	C21	120732	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
704	Thái Anh	Thư	12C 3	C21	120751	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
705	Lê Thị Kim	Thương	12C 3	C22	120771	259	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
706	Nguyễn Ngọc Kiều	Tiên	12C 3	C19	120628	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
707	Trần Ngọc Thủy	Tiên	12C 3	C19	120632	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
708	Lê Thị Kim	Trúc	12C 3	C23	120846	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
709	Nguyễn Nhật	Trường	12C 3	C23	120860	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
710	Lê Thảo	Uyên	12C 3	C23	120883	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
711	Huỳnh Phú	Vinh	12C 3	C24	120895	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
712	Nguyễn Hoàng Bảo	Vy	12C 3	C24	120908	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
713	Nguyễn Thị Như	Ý	12C 3	C24	120946	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
714	Nguyễn Lê Phúc	An	12C 4	C10	120008	148	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
715	Trương Lê Chiêu	Anh	12C 4	C10	120012	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
716	Nguyễn Lâm Hải	Đăng	12C 4	C11	120124	259	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
717	Bùi Thị Phương	Dung	12C 4	C11	120085	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
718	Nguyễn Kỳ	Duyên	12C 4	C11	120096	148	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
719	Lê Thị Uyên	Hà	12C 4	C12	120149	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
720	Nguyễn Thị Kim	Hòa	12C 4	C13	120215	259	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
721	Đặng Gia	Hưng	12C 4	C14	120258	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
722	Lê Thanh	Huy	12C 4	C13	120246	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
723	Nguyễn Nhật	Khang	12C 4	C14	120294	326	6.50	40	26.00	13.00	0.00	1.00
724	Hồ Nguyễn Kim	Khánh	12C 4	C14	120309	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
725	Nguyễn Trương Anh	Khôi	12C 4	C15	120339	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
726	Nguyễn Ngọc Thanh	Lâm	12C 4	C15	120358	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
727	Đặng Trần Thùy	Linh	12C 4	C15	120378	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
728	Hoàng Ngọc Khánh	Linh	12C 4	C15	120374	326	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
729	Nguyễn Minh	Luân	12C 4	C15	120386	326	2.75	40	11.00	29.00	0.00	0.00
730	Nguyễn Lê Ngọc	Minh	12C 4	C16	120393	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
731	Nguyễn Trần Thanh	Ngà	12C 4	C16	120414	326	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
732	Nguyễn Thùy Hạnh	Nguyên	12C 4	C17	120468	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
733	Nguyễn Ngọc Đông	Nhi	12C 4	C17	120492	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
734	Phạm Ngọc Ý	Nhi	12C 4	C17	120505	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
735	Nguyễn Ngọc Minh	Phú	12C 4	C18	120538	471	5.75	40	23.00	15.00	0.00	2.00
736	Nguyễn Thị Thanh	Quyên	12C 4	C19	120591	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
737	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Thành	12C 4	C20	120678	471	5.75	40	23.00	14.00	0.00	3.00
738	Lâm Thanh	Thảo	12C 4	C21	120694	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
739	Lê Hoàng Anh	Thi	12C 4	C21	120700	326	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
740	Lê Nhật Anh	Thư	12C 4	C21	120752	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
741	Nguyễn Lâm Ngọc	Thuận	12C 4	C21	120736	148	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
742	Đinh Huỳnh Nguyên	Thuận	12C 4	C21	120737	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
743	Huỳnh Lê Thanh	Thy	12C 4	C22	120778	471	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
744	Trần Thủy	Tiên	12C 4	C19	120633	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
745	Trần Thị Thùy	Trang	12C 4	C22	120793	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
746	Nguyễn Lê Thị Uyên	Trang	12C 4	C22	120796	471	8.75	40	35.00	5.00	0.00	0.00
747	Nguyễn Anh	Trực	12C 4	C23	120857	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
748	Nguyễn Thành	Trung	12C 4	C23	120856	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
749	Nguyễn Lê Hiếu	Vy	12C 4	C24	120916	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
750	Hồ Nguyễn Bảo	Vy	12C 4	C24	120909	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
751	Dương Ngọc Như	Ý	12C 4	B1	120947	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
752	Lê Ngọc Lan	Anh	12C 5	C10	120022	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
753	Lê Thị Kim	Ánh	12C 5	C10	120041	259	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
754	Trần Thụy Thuỳ	Dương	12C 5	C11	120104	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
755	Ngô Ngân	Hà	12C 5	C12	120145	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
756	Lê Vân Khánh	Hà	12C 5	C12	120143	471	6.50	40	26.00	13.00	0.00	1.00
757	Trần Ngọc Gia	Hân	12C 5	C12	120178	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
758	Long Gia	Hân	12C 5	C12	120177	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
759	Lê Trọng	Hiếu	12C 5	C13	120208	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
760	Dương Tấn	Huy	12C 5	C13	120244	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
761	Nguyễn Nhật	Khang	12C 5	C14	120295	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
762	Lương Thị Huyền	Linh	12C 5	C15	120370	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
763	Lê Trang Hồng	Lĩnh	12C 5	C15	120379	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
764	Huỳnh Triệu Phi	Ngân	12C 5	C16	120423	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
765	Nguyễn Trang	Nghiêm	12C 5	C16	120443	148	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
766	Trịnh Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120461	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
767	Lê Thanh	Ngọc	12C 5	C17	120460	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
768	Nguyễn Ngọc Thảo	Nguyên	12C 5	C17	120477	259	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
769	Phạm Bình Khánh	Nguyên	12C 5	C17	120469	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
770	Lê Đình Uyển	Nhi	12C 5	C17	120502	326	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
771	Phan Thị Ánh	Nhung	12C 5	C18	120513	471	7.00	40	28.00	8.00	0.00	4.00
772	Nguyễn Ngọc Trang	Nhung	12C 5	C18	120515	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
773	Trần Duy	Phát	12C 5	C18	120531	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
774	Nguyễn Tấn	Phát	12C 5	C18	120532	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
775	Nguyễn Minh	Phương	12C 5	C18	120563	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
776	Phạm Minh	Quân	12C 5	C19	120579	148	6.00	40	24.00	15.00	0.00	1.00
777	Phan Xuân	Quỳnh	12C 5	C19	120604	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
778	Trần Nguyễn Trúc	Quỳnh	12C 5	C19	120602	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
779	Nguyễn Như	Thanh	12C 5	C20	120674	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
780	Nguyễn Trần Phương	Thảo	12C 5	C20	120687	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
781	Nguyễn Hoàng Bảo	Thư	12C 5	C21	120755	471	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
782	Lê Huyền	Thư	12C 5	C22	120756	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
783	Đỗ Nguyễn Việt	Tiến	12C 5	C20	120637	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
784	Trần Đan	Tin	12C 5	C20	120638	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
785	Trần Nguyễn Tuyết	Trình	12C 5	C23	120840	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
786	Huỳnh Thị Ngọc	Trình	12C 5	C23	120835	148	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
787	Phạm Nguyễn Anh	Tú	12C 5	C20	120647	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
788	Nguyễn Phương	Uyên	12C 5	C23	120875	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
789	Lê Ngọc	Vũ	12C 5	C24	120900	259	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
790	Võ Ngọc Khánh	Vy	12C 5	C24	120918	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
791	Nguyễn Hồ Yến	Vy	12C 5	C24	120936	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
792	Mai Lê Lan	Anh	12C 6	C10	120023	259	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
793	Nguyễn Minh Hải	Đặng	12C 6	C11	120125	148	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
794	Lê Ngọc Xuân	Duyên	12C 6	C11	120102	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
795	Trương Thị	Hân	12C 6	C12	120188	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
796	Cao Gia	Hưng	12C 6	C14	120259	259	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
797	Trần Lê Nhật	Huy	12C 6	C13	120240	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
798	Đinh Xuân	Huyền	12C 6	C13	120252	259	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
799	Hoàng Quốc	Khanh	12C 6	C14	120303	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
800	Phạm Đăng	Khôi	12C 6	C15	120341	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
801	Nguyễn Thu Nhật	Lam	12C 6	C15	120353	148	7.00	40	28.00	11.00	0.00	1.00
802	Trần Tự Huệ	Linh	12C 6	C15	120369	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
803	Ngô Thị Ngọc	Mai	12C 6	C15	120388	471	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
804	Phạm Hồng	Ngân	12C 6	C16	120418	259	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
805	Nguyễn Thanh	Nhã	12C 6	C17	120484	259	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
806	Nguyễn Mai Xuân	Nhiên	12C 6	C17	120512	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
807	Nguyễn Hoàng Khánh	Như	12C 6	C18	120519	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
808	Nguyễn Anh	Quân	12C 6	C18	120574	259	7.00	40	28.00	11.00	0.00	1.00
809	Phạm Phú	Quang	12C 6	C18	120570	471	6.50	40	26.00	13.00	0.00	1.00
810	Trần Thị Diễm	Quỳnh	12C 6	C19	120594	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
811	Võ Huỳnh Duy	Thái	12C 6	C20	120670	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
812	Trần Văn	Thắng	12C 6	C21	120698	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
813	Phạm Hồng	Thi	12C 6	C21	120703	259	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
814	Nguyễn Hồ Quốc	Thịnh	12C 6	C21	120727	326	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
815	Trương Tổ	Thư	12C 6	C22	120764	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
816	Nguyễn Thị Minh	Thư	12C 6	C22	120763	259	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
817	Trần Ngọc Ka	Thy	12C 6	C22	120776	148	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
818	Đặng Quang	Tính	12C 6	C20	120641	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
819	Nguyễn Trần Quỳnh	Trâm	12C 6	C22	120811	259	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
820	Trương Thị Ngọc	Trâm	12C 6	C22	120808	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
821	Hoàng Huyền	Trang	12C 6	C22	120786	471	4.00	40	16.00	17.00	0.00	7.00
822	Bùi Lê Nhật	Trinh	12C 6	C23	120836	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
823	Lê Quang	Trình	12C 6	C23	120842	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
824	Huỳnh Gia	Tuấn	12C 6	C20	120653	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
825	Trương Khánh	Tuyên	12C 6	C20	120658	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
826	Lê Thị Bích	Tuyền	12C 6	C20	120659	259	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
827	Lê Gia	Vy	12C 6	C24	120912	326	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
828	Lục Nguyễn Khánh	Vy	12C 6	C24	120919	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
829	Trần Lê	Vy	12C 6	C24	120923	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
830	Đặng Hoàng Hải	Yến	12C 6	B1	120950	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
831	Huỳnh Thị Kim	Yến	12C 6	B1	120953	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
832	Nguyễn Hoàng Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120034	148	4.50	40	18.00	22.00	0.00	0.00
833	Lê Ngọc Quỳnh	Anh	12C 7	C10	120033	259	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
834	Phạm Vũ	Đăng	12C 7	C12	120127	148	7.25	40	29.00	10.00	0.00	1.00
835	Trương Thị Cẩm	Duyên	12C 7	C11	120095	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
836	Quách Ngọc	Hân	12C 7	C12	120185	326	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
837	Nguyễn Minh	Hân	12C 7	C12	120182	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
838	Bùi Hoàng Vi	Hân	12C 7	C12	120189	259	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
839	Phạm Thanh	Hương	12C 7	C14	120269	326	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
840	Trần Minh	Huy	12C 7	C13	120237	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
841	Trương Ngọc Bảo	Huyền	12C 7	C13	120250	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
842	Lý Gia	Khánh	12C 7	C14	120306	259	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
843	Nguyễn Hoàng	Kim	12C 7	C14	120279	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
844	Lê Hoài Trúc	Lâm	12C 7	C15	120359	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
845	Trần Thị Hoài	Ngân	12C 7	C16	120417	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
846	Lê Võ Thanh	Ngân	12C 7	C16	120428	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
847	Hà Ngọc	Nhã	12C 7	C17	120483	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
848	Tôn Nữ Nhật	Nhiên	12C 7	C17	120511	259	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
849	Nguyễn Hùng	Phong	12C 7	C18	120534	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
850	Nguyễn Huỳnh Hữu	Phúc	12C 7	C18	120552	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
851	Chung Khả Phương	Phương	12C 7	C18	120565	148	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
852	Trương Lam	Phương	12C 7	C18	120561	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
853	Đinh Lê Hoàng	Quốc	12C 7	C19	120584	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
854	Nguyễn Mai Nhật	Quỳnh	12C 7	C19	120597	259	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
855	Bùi Thị Ngọc	Sen	12C 7	C19	120610	326	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
856	Nguyễn Bích	Thảo	12C 7	C20	120682	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
857	Phạm Ngọc Anh	Thị	12C 7	C21	120701	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
858	Phan Nguyễn Ngọc	Thịnh	12C 7	C21	120725	148	5.00	40	20.00	20.00	0.00	0.00
859	Trần Võ Như	Thịnh	12C 7	C21	120726	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
860	Trần Gia Anh	Thư	12C 7	C21	120753	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
861	Trần Thị Thanh	Thủy	12C 7	C21	120745	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
862	Đoàn Công	Tiến	12C 7	C20	120634	148	5.50	40	22.00	17.00	0.00	1.00
863	Phạm Thị Mỹ	Trâm	12C 7	C22	120805	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
864	Nguyễn Ngọc	Trâm	12C 7	C22	120809	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
865	Nguyễn Lê Thùy	Trang	12C 7	C22	120794	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
866	Bùi Thanh	Tuấn	12C 7	C20	120655	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
867	Trần Gia Cát	Tường	12C 7	C20	120665	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
868	Lê Quỳnh	Uyên	12C 7	C23	120877	471	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
869	Trần Ngọc Linh	Uyên	12C 7	C23	120866	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
870	Nguyễn Hoàng Li	Va	12C 7	C23	120884	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
871	Lê Hà	Vy	12C 7	C24	120914	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
872	Võ Nguyễn Tường	Vy	12C 7	C24	120928	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
873	Nguyễn Cao Phương	Anh	12C 8	C10	120031	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
874	Nguyễn Vũ Trâm	Anh	12C 8	C10	120038	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
875	Lê Hoàng Quốc	Bảo	12C 8	C10	120055	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
876	Phạm Hoàng Linh	Đan	12C 8	C11	120106	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
877	Nguyễn Bảo	Đăng	12C 8	C11	120118	471	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00
878	Châu Thái Ngọc	Diệp	12C 8	C11	120078	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
879	Trịnh Thị Huyền	Diệu	12C 8	C11	120080	326	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
880	Trần Trường	Duy	12C 8	C11	120093	326	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
881	Lê Thị Thảo	Duyên	12C 8	C11	120098	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
882	Huỳnh Kim	Hân	12C 8	C12	120180	471	7.75	40	31.00	9.00	0.00	0.00
883	Phạm Thị	Hậu	12C 8	C12	120193	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
884	Lương Thanh	Huy	12C 8	C13	120247	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
885	Nguyễn Đỗ Hạ	Huyền	12C 8	C13	120251	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
886	Hoàng	Huỳnh	12C 8	C14	120256	471	8.00	40	32.00	8.00	0.00	0.00
887	Phan Trần Nguyên	Khang	12C 8	C14	120293	471	7.50	40	30.00	10.00	0.00	0.00
888	Nguyễn Ngọc Thanh	Lam	12C 8	C15	120355	259	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
889	Phan Duy	Linh	12C 8	C15	120366	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
890	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Mai	12C 8	C16	120389	326	4.00	40	16.00	23.00	0.00	1.00
891	Nguyễn Trần Thanh	Ngân	12C 8	C16	120429	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
892	Trần Nguyên	Nghĩa	12C 8	C16	120441	471	4.75	40	19.00	21.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
893	Phan Công	Nguyên	12C 8	C17	120464	471	5.75	40	23.00	16.00	0.00	1.00
894	Trần Uyển	Nhi	12C 8	C17	120503	259	8.50	40	34.00	6.00	0.00	0.00
895	Nguyễn Phong	Phú	12C 8	C18	120539	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
896	Nguyễn Nhất Nam	Phương	12C 8	C18	120564	259	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
897	Đỗ Khánh	Phương	12C 8	C18	120560	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
898	Lê Bảo	Quốc	12C 8	C19	120582	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
899	Phạm Như	Quỳnh	12C 8	C19	120600	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
900	Bùi Tấn	Thành	12C 8	C20	120681	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
901	Lê Huỳnh Anh	Thi	12C 8	C21	120702	148	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
902	Lê Đăng	Thịnh	12C 8	C21	120718	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
903	Nguyễn Quảng Thanh	Thư	12C 8	C22	120769	326	6.50	40	26.00	14.00	1.00	0.00
904	Nguyễn Võ Thiện	Thy	12C 8	C22	120779	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
905	Đoàn Bích	Trâm	12C 8	C22	120801	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
906	Phạm Thị Ánh	Trang	12C 8	C22	120782	259	5.75	40	23.00	15.00	0.00	2.00
907	Nguyễn Đình Kiều	Trinh	12C 8	C23	120832	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
908	Trần Duy	Tường	12C 8	C20	120666	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
909	Phạm Thị Nhung	Tuyền	12C 8	C20	120661	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
910	Lê Thị Phương	Uyên	12C 8	C23	120876	148	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
911	Lê Khánh	Vy	12C 8	C24	120920	326	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
912	Phạm Thị Trúc	Xanh	12C 8	C24	120938	259	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
913	Huỳnh Thùy Hồng	Anh	12C 9	C10	120017	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
914	Nguyễn Quỳnh	Anh	12C 9	C10	120035	471	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
915	An	Bình	12C 9	C10	120059	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
916	Nguyễn Hải	Bình	12C 9	C10	120060	148	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
917	Mai Ngọc Khương	Dân	12C 9	C11	120076	148	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
918	Nguyễn Quách Khả	Doanh	12C 9	C11	120081	259	6.25	40	25.00	14.00	0.00	1.00
919	Đặng Thị Mỹ	Dung	12C 9	C11	120084	471	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
920	Trần Thị Thùy	Giang	12C 9	C12	120136	259	8.25	40	33.00	7.00	0.00	0.00
921	Đặng Vũ Khánh	Hà	12C 9	C12	120144	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
922	Phạm Lê Gia	Hân	12C 9	C12	120179	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
923	Nguyễn Minh	Hiếu	12C 9	C13	120207	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
924	Trần Ngọc	Hung	12C 9	C14	120261	148	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
925	Bành Tiến	Hung	12C 9	C14	120264	471	5.25	40	21.00	19.00	0.00	0.00
926	Nguyễn Khánh	Huy	12C 9	C13	120235	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
927	Trần Phương	Linh	12C 9	C15	120375	471	4.00	40	16.00	24.00	0.00	0.00
928	Nguyễn Phương	My	12C 9	C16	120403	326	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
929	Nguyễn Lê Phương	My	12C 9	C16	120404	259	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
930	Nguyễn Thị Kim	Ngân	12C 9	C16	120420	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
931	Nguyễn Bảo	Ngân	12C 9	C16	120416	259	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
932	Nguyễn Trúc	Ngân	12C 9	C16	120432	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
933	Trần Thanh Hà	Nguyên	12C 9	C17	120467	326	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
934	Lê Thiên	Phú	12C 9	C18	120542	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
935	Võ Như	Phúc	12C 9	C18	120553	259	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
936	Nguyễn Xuân Khánh	Quỳnh	12C 9	C19	120596	148	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
937	Trình Lâm	Son	12C 9	C19	120613	471	6.00	40	24.00	16.00	0.00	0.00
938	Nguyễn Minh	Thịnh	12C 9	C21	120722	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
939	Phan Đan	Tiên	12C 9	C19	120627	471	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00

STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD	Mã đề	Điểm	Tổng số câu	Số câu đúng	Số câu sai	Phạm quy	Không làm
940	Huỳnh Nhật	Tiên	12C 9	C19	120630	259	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
941	Nguyễn Thùy	Trâm	12C 9	C22	120812	148	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00
942	Nguyễn Thị Thùy	Trang	12C 9	C22	120795	148	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
943	Cao Thùy	Trinh	12C 9	C23	120841	259	5.75	40	23.00	17.00	0.00	0.00
944	Nguyễn Thị Thái	Trường	12C 9	C23	120861	326	5.50	40	22.00	18.00	0.00	0.00
945	Nguyễn Thùy	Vân	12C 9	C24	120890	471	6.25	40	25.00	15.00	0.00	0.00
946	Nguyễn Thị Bích	Viên	12C 9	C24	120893	326	6.50	40	26.00	14.00	0.00	0.00
947	Phạm Quốc	Việt	12C 9	C24	120894	259	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
948	Hoàng Diệu	Vy	12C 9	C24	120911	471	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
949	Đặng Thùy Khánh	Vy	12C 9	C24	120921	471	7.00	40	28.00	12.00	0.00	0.00
950	Đinh Ngọc Thảo	Vy	12C 9	C24	120931	148	7.25	40	29.00	11.00	0.00	0.00
951	Trần Phạm Như	Ý	12C 9	B1	120948	259	6.75	40	27.00	13.00	0.00	0.00

DANH SÁCH HỌC SINH VẮNG					
STT	Họ và tên		Lớp	Phòng	SBD
1	Lê Thị Thanh	Liên	12C 4	C15	120361
2	Dương Nguyễn Đức	Linh	12C 4	C15	120367

Phan Thiết, ngày 16 tháng 3 năm 2024

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Phạm Triệu